

Bản án số: 15/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 17/01/2023

V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN-THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Thu Nga

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Văn Đông

2. Bà Nguyễn Thị Nga

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Ngọc Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thanh Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Long Biên, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 287/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn. theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2022/QĐXX-ST ngày 23/12/2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Quách Thị T, sinh năm 1983.

HKTT: Thôn K, xã Đ, huyện V, tỉnh Q.

Trú tại: Số 14C Ngõ \*\*\*, ngách 16/15, tổ 8 phường T, quận L, Thành phố H. ( Có đơn xin giải quyết vắng mặt)

*Bị đơn:* Anh Trịnh Ngọc T, sinh năm 1977.

HKTT: Thôn K, xã Đ, huyện V, tỉnh Q.

Trú tại: Số 14C Ngõ \*\*\*, ngách 16/15, tổ 8 phường T, quận L, Thành phố H. ( vắng mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa, chị Quách Thị T trình bày: Tôi xây dựng gia đình với anh Trịnh Ngọc T trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện V, tỉnh Q ngày 06/5/2021. Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống hạnh phúc được khoảng 6 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T luôn rệu rề sống không có trách nhiệm với gia đình. Khi uống rượu vào thì anh T đánh tôi bất cứ lúc nào, tôi nói thì anh mua xăng về dọa đốt quần áo của tôi, hàng xóm phải sang can ngăn. Anh T đánh tôi bị thương nặng tôi phải báo công an. Mâu thuẫn trầm trọng là tháng 3 năm 2022 khi anh T đánh tôi, ném phích nước vào mặt tôi và cầm dao đòi chém chết tôi nhưng được hàng xóm vào can ngăn nên anh T mới không

đánh được tôi. Vì quá sợ anh T đánh tôi nên tôi phải về nhà bố mẹ tôi ở và vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị xin được ly hôn

Về con chung: Chúng tôi không có con chung

Về tài sản chung: Chúng tôi không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra tôi không có yêu cầu gì khác

Bị đơn anh Trịnh Ngọc T trình bày: Tôi xây dựng gia đình với cô Quách Thị T trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện V, tỉnh Q ngày 06/5/2021. Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống hạnh phúc mãi đến tháng 6 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không tìm thấy tiếng nói chung. Vợ chồng hầu như là sống mỗi người một nơi. Tôi thì đi làm ăn ở Sài Gòn còn cô T thì làm ăn ở Quảng Ninh, vợ chồng một tháng mới gặp nhau 1 lần nên vợ chồng thiếu sự quan tâm chia sẻ. Tôi thừa nhận khoảng đầu tháng 12/2021 trong quá trình chung sống tôi có mua xăng về dọa đốt quần áo của cô T nguyên nhân là do tôi đi uống rượu về khuya gọi cửa cô T không mở cửa. Quá bức tức lại có chút hơi men nên tôi mới đi mua xăng về mục đích là chỉ dọa chứ không đốt gì cả, hàng xóm có sang can và sau đó vợ chồng sống bình thường. Đến cuối tháng 12/2021 thì vợ chồng lại xảy ra xô xát, nguyên nhân là do cô T gọi điện cho người yêu cũ, tôi hỏi cô T nhưng cô T không thừa nhận. Do quá bức tức nên tôi và cô T đánh nhau cả hai bên đều bị thương tích, hàng xóm lại sang can ngăn nên không đánh nhau nữa. Vợ chồng tiếp tục chung sống đến khoảng tháng 3/2022 thì vợ chồng lại mâu thuẫn, nguyên nhân là do tôi đi làm về mệt mỏi nhưng thái độ của cô T không tốt, vì quá bức tức, tôi nói cô T thì cô T cãi. Vì quá bức tức với thái độ của cô T nên tôi có ném phích nước về phía cô T, tôi thừa nhận có vào bếp nhưng không cầm dao nhằm mục đích đánh cô T. Sau đó thì cô T ở được khoảng hơn 1 tháng thì chuyển đi chỗ khác ở và thỉnh thoảng do công việc làm ăn cô T mới về một tối rồi lại đi. Hiện nay nhà tôi đang ở là của cô T.

Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn tôi không đồng ý ly hôn. Tôi cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng vì hiện vợ chồng mỗi người sống một nơi. Nguyên vọng của tôi là mong muốn vợ chồng về cùng nhau nói chuyện 1 buổi nếu không được thì cùng nhau đến Tòa chia tay trong vui vẻ.

Về con chung: Chúng tôi không có con chung

Về tài sản chung: Chúng tôi không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra tôi không có ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa:

Chị T xin vắng mặt nên không có ý kiến.

Anh T: Vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không có lý do.

Tại phiên tòa đại diện VKS phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi Tòa thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán và Hội đồng xét xử chấp hành và thực hiện tốt các quy định của pháp luật. Các đương sự: Nguyên đơn và bị đơn đều chấp hành tốt các quy định của pháp luật từ khi thụ lý đến trước khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Về nội dung: Sau khi phân tích đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Đề nghị Tòa án căn cứ các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39, 147, 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Quách Thị T. Về con chung: Xác định anh chị không có con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự xác định không có và không yêu cầu xem xét giải quyết do vậy đề nghị không xem xét giải quyết. Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa , Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng:** Chị T có đơn xin ly hôn anh T gửi tại Tòa án nhân dân quận Long Biên, anh T hiện đang tạm trú tại phường T, quận , Thành phố H. Chị T có đơn xin giải quyết và xử vắng mặt. Anh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Long Biên và HĐXX xét xử vắng mặt Chị T, anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

**Về quan hệ hôn nhân:** Chị Quách Thị T xây dựng gia đình với anh Trịnh Ngọc T trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện V, tỉnh Q ngày 06/5/2021. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm lối sống cũng như tình cảm. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2022 không quan tâm chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau. Nay Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn xin ly hôn, anh T không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp hàn gắn gia đình. Quá trình chung sống anh T còn có hành động đe dọa đến tính mạng của Chị T. Xét mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy HĐXX chấp nhận đơn ly hôn của Chị T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về con chung: Chị T và anh T không có con chung

Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**Về án phí:** Chị T phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 của điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

**Vì các lẽ trên**

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Luật thi hành án.

**Xử:**

Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Quách Thị T.

Chị Quách Thị T sinh năm 1983 được ly hôn với anh Trịnh Ngọc T sinh năm 1977

**Về con chung:** Xác định Chị T và anh T không có con chung.

**Về tài sản chung:** Không xem xét giải quyết.

**Về án phí:** Chị Quách Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị T đã nộp tạm ứng 300.000 đồng theo giấy thu tiền tạm ứng ngày 05/10/2022 và biên lai số AA/2020/0065431 ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Chi Cục thi hành án dân sự quận Long Biên, nay được chuyển thành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt Chị T và anh T. Báo cho Chị T và anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

***Nơi gửi:***

- Các đương sự
  - Tòa án nhân dân TP Hà Nội;
  - VKSND quận Long Biên;
  - THADS quận Long Biên;
  - UBND xã Đ, huyện V
- Tỉnh Q  
;  
- Lưu TA

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Thu Nga**